

CHÍNH PHỦ
Số: 134/2004/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 9 tháng 6 năm 2004

NGHỊ ĐỊNH

Về khuyến khích phát triển công nghiệp nông thôn

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu của hoạt động khuyến công

Nhà nước tổ chức hoạt động khuyến khích, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn (dưới đây gọi tắt là hoạt động khuyến công) nhằm mục tiêu sau:

- Động viên và huy động các nguồn lực trong nước và ngoài nước tham gia hoặc hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn và các dịch vụ khuyến công theo quy hoạch phát triển công nghiệp của cả nước và từng địa phương.
- Góp phần vào việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hoá - hiện đại hoá, trước hết là công nghiệp hoá nông nghiệp và nông thôn, tạo việc làm, tăng thu nhập, thực hiện phân công lại lao động xã hội.
- Hỗ trợ, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất công nghiệp nông thôn một cách bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thực hiện có hiệu quả lộ trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư, sản xuất công nghiệp tại huyện, thị xã, thị trấn và xã (sau đây gọi là cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn) bao gồm:

a) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp tác xã thành lập, hoạt động theo Luật Hợp tác xã;

d) Hộ kinh doanh cá thể theo Nghị định số 02/2000/NĐ-CP ngày 03 tháng 02 năm 2000 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh.

2. Tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động dịch vụ khuyến công.

Điều 3. Nội dung hoạt động khuyến công

1. Hướng dẫn, hỗ trợ tổ chức, cá nhân khởi sự doanh nghiệp lập dự án đầu tư phát triển công nghiệp nông thôn, tìm kiếm mặt bằng sản xuất, tuyển dụng, đào tạo lao động, huy động vốn, xin ưu đãi đầu tư và các thủ tục hành chính khác theo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với quy hoạch phát triển công nghiệp theo vùng, lãnh thổ và địa phương.

2. Hướng dẫn, hỗ trợ cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn nâng cao năng lực quản lý, hợp lý hoá sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

3. Hướng dẫn, tư vấn cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn đầu tư xây dựng dây chuyền sản xuất mới, mở rộng quy mô sản xuất, đổi mới và ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường.

4. Tổ chức đào tạo nghề, truyền nghề và phát triển nghề.

5. Hỗ trợ cung cấp thông tin, tiếp thị, tìm kiếm thị trường, đối tác kinh doanh và tổ chức triển lãm, hội chợ và giới thiệu sản phẩm.

6. Tổ chức các hoạt động trao đổi kinh nghiệm, tham quan, khảo sát; hỗ trợ và tạo điều kiện để các cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn liên doanh, liên kết, hợp tác kinh tế, tham gia các hiệp hội ngành nghề.

7. Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ và thực hiện dịch vụ tư vấn khoa học - công nghệ để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp

nông thôn.

Chương II

CHÍNH SÁCH KHUYẾN CÔNG

Điều 4. Hỗ trợ hoạt động khuyến công

Nhà nước có chính sách và biện pháp thích hợp nhằm hỗ trợ cho tổ chức, cá nhân trực tiếp hoạt động khuyến công theo các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định này và tổ chức, cá nhân trực tiếp đầu tư sản xuất vào các ngành, nghề trong các lĩnh vực thuộc Danh mục quy định tại Điều 6 Nghị định này.

Điều 5. Khuyến khích phát triển dịch vụ khuyến công

1. Dịch vụ khuyến công là các hoạt động dịch vụ trong việc: tư vấn, đào tạo, chuyển giao công nghệ, cung cấp thông tin, xúc tiến thương mại và các hoạt động khác có liên quan đến đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn.

Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân tổ chức dịch vụ khuyến công để thực hiện các nội dung của hoạt động khuyến công quy định tại Điều 3 Nghị định này.

2. Tổ chức khuyến công tự nguyện là tổ chức do các đoàn thể, tổ chức kinh tế - xã hội, cơ quan, cá nhân thành lập theo quy định của pháp luật, không vì mục đích lợi nhuận để thực hiện hoạt động khuyến công.

3. Các tổ chức dịch vụ khuyến công được đào tạo chuyên môn nghiệp vụ, được tham gia vào các chương trình, kế hoạch, dự án khuyến công do cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến công tổ chức.

Điều 6. Danh mục ngành, nghề được hưởng chính sách khuyến công.

1. Tổ chức, cá nhân đầu tư sản xuất công nghiệp nông thôn vào các ngành, nghề sau đây được hưởng các chính sách khuyến công quy định tại Chương II Nghị định này:

- a) Công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản;
- b) Sản xuất sản phẩm sử dụng nguyên liệu tại chỗ, sử dụng nhiều lao động;
- c) Sản xuất sản phẩm mới, hàng thay thế hàng nhập khẩu, hàng xuất khẩu sử dụng chủ yếu nguyên liệu trong nước;
- d) Sản xuất sản phẩm, phụ tùng, lắp ráp và sửa chữa máy cơ khí nông nghiệp;

- đ) Thủy điện nhỏ, điện sử dụng năng lượng mới hoặc năng lượng tái tạo có công suất lắp đặt dưới 10.000 kW để cung cấp điện cho nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
- e) Sản xuất, gia công chi tiết, bán thành phẩm và dịch vụ cho các cơ sở sản xuất sản phẩm hoàn chỉnh.
- g) Đầu tư vốn xây dựng kết cấu hạ tầng cho cụm, điểm công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và làng nghề.

2. Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội và yêu cầu của công tác khuyến công trong từng thời kỳ, Bộ Công nghiệp trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc sửa đổi, bổ sung ngành, nghề được hưởng các chính sách quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 7. Kinh phí bảo đảm hoạt động khuyến công

Kinh phí cho hoạt động khuyến công bao gồm: kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương:

1. Kinh phí khuyến công quốc gia là kinh phí sử dụng cho những hoạt động khuyến công và những chương trình mục tiêu quốc gia về khuyến công do Bộ Công nghiệp quản lý và tổ chức thực hiện.
2. Kinh phí khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quản lý để sử dụng cho những hoạt động khuyến công do địa phương thực hiện.

Điều 8. Kinh phí khuyến công quốc gia

1. Kinh phí khuyến công quốc gia được hình thành từ các nguồn sau:
 - a) Ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo kế hoạch;
 - b) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
 - c) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.
2. Kinh phí khuyến công quốc gia được sử dụng cho mục đích sau:
 - a) Chi cho hoạt động khuyến công quốc gia theo các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định này;
 - b) Hỗ trợ hoạt động khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chương trình, kế hoạch và đề án được phê duyệt;
 - c) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động khuyến công.

Điều 9. Kinh phí khuyến công địa phương

1. Kinh phí khuyến công địa phương được hình thành từ các nguồn sau:

- a) Ngân sách của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp hàng năm;
- b) Tài trợ và đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;
- c) Hỗ trợ từ kinh phí khuyến công quốc gia cho hoạt động khuyến công của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo chương trình, kế hoạch và đề án được phê duyệt;
- d) Nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí khuyến công địa phương được sử dụng cho mục đích sau:

- a) Chi cho hoạt động khuyến công do địa phương tổ chức thực hiện theo các nội dung quy định tại Điều 3 Nghị định này;
- b) Các khoản chi khác phục vụ cho hoạt động khuyến công.

Điều 10. Quản lý kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương

1. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công quốc gia do Bộ Công nghiệp xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của Bộ Công nghiệp trình các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Kế hoạch và dự toán kinh phí khuyến công địa phương do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, tổng hợp vào dự toán ngân sách hàng năm của địa phương mình trình duyệt theo quy định hiện hành.

3. Hàng năm, cơ quan tài chính các cấp căn cứ vào kế hoạch, dự toán ngân sách được duyệt và tiến độ thực hiện để cấp phát cho các cơ quan quản lý nhà nước hoạt động khuyến công ở Trung ương và địa phương.

4. Kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương do ngân sách cấp nếu chưa sử dụng hết trong năm kế hoạch được để lại sử dụng trong năm tiếp theo.

5. Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Công nghiệp hướng dẫn cụ thể trình tự lập, quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia và kinh phí khuyến công địa phương.

Điều 11. Đất đai